

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22-6-2020.

V/v: Ly hôn giữa anh T và chị P

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1 – Ông Lò Văn Khệt.

2 – Ông Quàng Văn Màng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Minh Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020, về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh LVT, trú tại: Bản KB, xã MT, huyện ML, tỉnh SL. Nơi công tác: Công an huyện Sốp Cộp, tỉnh SL. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị CTP, trú tại: Bản KB, xã MT, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông LVH, bà QTL, đều trú tại: Bản KB, xã MT, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh LVT trình bày:

Anh và chị CTP kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 03/01/2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện ML, tỉnh SL. Quá trình chung sống, hòa thuận hạnh phúc thời gian khoảng đến năm 2017, sau phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai người không hiểu và thông cảm, chia sẻ cho nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải nhiều lần, nhưng không khắc phục được. Hai người sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu ly hôn chị CTP.

Về con chung: Có hai con là Lù Thị Phương Quách, sinh ngày 28/5/2011 và Lù Trí Thượng, sinh ngày 13/8/2014 anh xin trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục hai con. Anh không yêu cầu chị CTP cấp dưỡng nuôi con và cũng tùy vào nguyện vọng của con.

Đối với yêu cầu của chị CTP về đòi tài sản vật dụng anh nhất trí theo ý kiến của bố, mẹ anh.

Về đất đai chị CTP yêu cầu chia theo nhân khẩu bên nhà chồng. Chị yêu cầu anh LVT phải làm cho chị một ngôi nhà để chị ở, sau này còn đón con về ở cùng. Anh LVT không nhất trí với lý do đất đai, nhà cửa đều của bố mẹ, bản thân anh vẫn ở nhờ chưa có đất đai, nhà cửa riêng.

Về yêu cầu anh LVT cấp dưỡng, trợ cấp khó khăn cho chị một lần là 30.000.000, đồng anh LVT trình bày: Anh có mức thu nhập là 12.520.000, đồng/tháng, anh trình bày về chi tiêu tiền nuôi hai con hằng tháng là 5.000.000, đồng, tiền ăn đơn vị thu, tiền đảng phí, công đoàn phí. Nên anh không đồng ý cấp dưỡng, trợ cấp cho chị CTP.

Bị đơn chị CTP trình bày: Chị xác nhận về quan hệ hôn nhân và công nhận mâu thuẫn vợ chồng như anh LVT trình bày, chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và về việc ly hôn chị nhất trí.

Về con chung: Có hai con là Lù Thị Phương Quách, sinh ngày 28/5/2011 và Lù Trí Thượng, sinh ngày 13/8/2014 chị xin trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con gái Lù Thị Phương Quách, chị không yêu cầu anh LVT cấp dưỡng nuôi con và cũng tùy vào nguyện vọng của con.

Về tài sản chung chị khai và yêu cầu như sau:

- 10 cái chăn vải;
- 10 cái đệm bông lau;
- 70 đôi gối và khăn Piêu;
- 01 ti vi;
- 01 tủ tường;
- 30 cái xoong con;
- 07 cái xoong nhôm loại 25-30 lít;
- 02 cái nồi quân dụng to;
- 08 cái chậu to;
- 40 cái chậu nhỏ;

06 cái nồi cơm điện;  
06 cái phích nước;  
03 bộ ấm chén;  
05 cái quạt điện;  
40 cái bát.

Chị CTP giải thích nguồn gốc tài sản và yêu cầu như sau:

70 đôi gối và khăn Piêu (là quà tặng của cô dâu khi đến nhà chồng cho những người họ hàng đến mừng lễ cưới, đã tặng khi cưới hết không còn, nay yêu cầu trả cho chị giá trị 230.000, đồng/bộ).

10 cái chăn vải; 10 cái đệm bông lau (đã tặng cho 05 cái chăn vải; 05 cái đệm lau), còn 05 cái chăn vải; 05 cái đệm bông lau chị yêu cầu trả cho chị;

01 ti vi chị yêu cầu được lấy;

01 tủ tường không lấy;

30 cái xoong con, chị yêu cầu được lấy 15 cái;

07 cái xoong nhỡ loại 25-30 lít, chị yêu cầu được lấy 06 cái;

02 cái nồi quân dụng to, chị yêu cầu được lấy 01 cái;

08 cái chậu nhôm to, chị yêu cầu được lấy 08 cái;

40 cái chậu nhôm nhỏ, chị yêu cầu được lấy 20 cái;

06 cái nồi cơm điện, chị yêu cầu được lấy 03 cái;

06 cái phích nước, chị yêu cầu được lấy 03 cái;

03 bộ ấm chén, chị yêu cầu được lấy 01 bộ;

05 cái quạt đứng điện, chị yêu cầu được lấy 02 cái;

40 cái bát, chị yêu cầu được lấy 20 cái.

Tiền mừng do những người họ hàng được tặng đôi gối và khăn Piêu; chăn vải; đệm bông lau họ tặng lại tiền mặt khoảng 10.000.000, đồng mẹ chồng bà QTL cầm, nay chị không yêu cầu trả lại cho chị.

Tiền phong bì họ hàng đến dự cưới mừng được khoảng 20.000.000, đồng chị công nhận được cầm 10.000.000, đồng nhưng sau đó chồng chị đi học đã bỏ dần ra chi tiêu hết. Còn 10.000.000, đồng bố mẹ chồng là ông LVH, bà QTL cầm, nay chị yêu cầu trả lại cho chị số tiền 20.000.000, đồng.

Tiền công sức đóng góp khi sống chung với bố mẹ chồng chị yêu cầu ông LVH, bà QTL trả lại cho chị số tiền 50.000.000, đồng.

Vì chị ốm đau yêu cầu anh LVT cấp dưỡng, trợ cấp khó khăn cho chị một lần là 30.000.000, đồng.

Vật nuôi như trâu, bò, gà, vịt trong gia đình chị công nhận khi chị về ở chung đã có trước nhưng về sau chết và bán hết từ trước khi chị bỏ về nhà bố mẹ. Nay chị yêu cầu ông LVH, bà QTL trả cho chị một con bò giá trị 7.000.000, đồng.

Các sản phẩm nông sản như thóc lúa, ngô, khoai sắn không có gì và không yêu cầu giải quyết.

Về đất đai chị yêu cầu chia theo nhân khẩu bên nhà chồng.

Chị yêu cầu anh LVT phải làm cho chị một ngôi nhà để chị ở, sau này còn đón con về ở cùng.

Tài sản riêng: Khi về nhà chồng năm 2010 chị được bố mẹ cho một con lợn khoảng 10 kg mang về nuôi ở nhà chồng, nay chị yêu cầu ông LVH, bà QTL trả lại cho chị con lợn 10 kg.

Về nợ chung chị công nhận không có.

Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông LVH, bà QTL trình bày:

Những tài sản vật dụng chị Cẩm Thị Phương khai là do đám cưới được mừng, không phải do làm ra mua được. Hai ông bà xác nhận hiện còn và nhất trí trả cho chị CTP:

70 đôi gối và khăn Piêu là quà tặng của cô dâu khi đến nhà chồng cho những người họ hàng đến mừng lễ cưới, đã tặng khi cưới hết không còn, không nhất trí yêu cầu trả cho chị giá trị 230.000, đồng/bộ.

10 cái chăn vải; 10 cái đệm bông lau, đã tặng cho 05 cái chăn vải; 05 cái đệm lau, còn 05 cái chăn vải; 05 cái đệm bông lau nhất trí trả;

01 ti vi nhất trí trả;

01 tủ tường không lấy để lại ông bà nhất trí;

30 cái xoong con, nay không còn, nhất trí trả 10 cái;

07 cái xoong nhôm loại 25-30 lít, nay không còn, nhất trí trả 02 cái;

02 cái nồi quân dụng to, nhất trí trả 01 cái;

08 cái chậu nhôm to, 40 cái chậu nhôm nhỏ hiện không còn vẫn nhất trí trả 02 cái;

03 cái nồi cơm điện, một cái chị CTP mang cho chị gái, nhất trí trả 01 cái;

Không có phích nước, nhất trí trả 02 cái;

03 bộ ấm chén, đã dùng hết không còn nhất trí trả 02 bộ;

02 cái quạt đứng điện, một cái hỏng, nhất trí trả 01 cái;

40 cái bát, đã dùng hết không còn, nhất trí trả 20 cái.

Tiền phong bì họ hàng đến dự cưới mừng bên nhà chồng chúng tôi cảm không liên quan đến bên nhà chị CTP.

Tiền phong bì họ hàng đến dự cưới mừng được khoảng 20.000.000, đồng chị công nhận được cầm 10.000.000, đồng nhưng sau đó chồng chị đi học đã bỏ dần ra chi tiêu hết. Còn 10.000.000, đồng bố mẹ chồng là ông LVH, bà QTL cầm, nay chị yêu cầu trả lại cho chị số tiền 20.000.000, đồng. Vợ chồng ông bà không công nhận được cầm, nên không nhất trí trả.

Tiền công sức đóng góp khi sống chung với bố mẹ chồng chị yêu cầu ông LVH, bà QTL trả lại cho chị số tiền 50.000.000, đồng. Hai ông bà không nhất trí, chỉ đồng ý trả cho chị CTP 12.000.000, đồng. Ông bà giải thích thực tế quá trình sống chung mọi người cùng làm chỉ đủ ăn, ngoài chị CTP còn nuôi chung cả hai cháu.

Vì chị ốm đau yêu cầu anh LVT cấp dưỡng, trợ cấp khó khăn cho chị một lần là 30.000.000, đồng do anh LVT quyết định.

Vật nuôi như trâu, bò, gà, vịt trong gia đình khi chị CTP về đã có trước nhưng về sau chết và bán hết từ trước khi chị bỏ về nhà bố mẹ. Nay chị yêu cầu trả cho chị một con bò giá trị 7.000.000, đồng là vô lý ông bà không nhất trí.

Khi về nhà chồng năm 2010 chị CTP được bố mẹ cho một con lợn khoảng 10 kg mang về nuôi ở nhà chồng, nay chị yêu cầu trả lại cho chị con lợn 10 kg, ông LVH, bà QTL không nhất trí vì quá trình nuôi đã chết.

Về đất đai chị yêu cầu chia theo nhân khẩu bên nhà chồng, chị yêu cầu anh LVT phải làm cho chị một ngôi nhà để chị ở. Ông LVH, bà QTL không nhất trí vì thực tế khi về nhà chồng đất đai di dân thủy điện sông Đà không chuyển phần của chị CTP sang mà vẫn giữ nguyên bên bố mẹ chị ở bản Lả Mường, xã Hua Trai, huyện ML. Còn nhà hiện nay đang ở là có trước khi di dân tháo dỡ dựng lại, đến nay không tôn tạo sửa chữa gì. Nay chị CTP đòi làm một ngôi nhà là vô lý, không nhất trí.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 61 các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm c khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ để xử cho anh LVT được ly hôn chị CTP;

Về con chung: Giao con cho anh LVT là người trực tiếp nuôi cháu Lù Thị Phương Quách, sinh ngày 28/5/2011 và Lù Trí Thượng, sinh ngày 13/8/2014 là đúng nguyện vọng của cháu;

Về yêu cấp dưỡng chấp nhận anh LVT không yêu cầu chị CTP phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản riêng, nợ: Không có.

Về tài sản chung:

Ông LVH, bà QTL, anh LVT có trách nhiệm trả cho chị CTP tài sản sau:

05 cái chăn vải; 05 cái đệm bông lau; 01 ti vi; 10 cái xoong con; 02 cái xoong nhôm loại 25-30 lít; 01 cái nồi quân dụng to; 02 cái chậu nhôm to; 02 cái chậu nhôm nhỏ; 01 cái nồi cơm điện; 02 cái phích nước; 02 bộ ấm chén; 01 cái quạt đứng điện; 20 cái bát.

Ông LVH, bà QTL trả cho chị CTP 12.000.000, đồng (mười hai triệu đồng) tiền công sức đóng góp vào đời sống chung với gia đình.

Không đủ căn cứ chấp nhận các yêu cầu của chị CTP gồm:

Yêu cầu trả đồ tặng cưới gồm 70 đôi gối và khăn Piêu giá trị 230.000, đồng/bộ;

Yêu cầu trả tiền phong bì họ hàng đến dự cưới mừng được 20.000.000, đồng;

Yêu cầu trả một con bò giá trị 7.000.000, đồng;

Yêu cầu trả một con lợn khoảng 10 kg khi về nhà chồng năm 2010 chị được bố mẹ cho;

Yêu cầu chia đất cho chị CTP;

Yêu cầu phải làm cho chị CTP một ngôi nhà để chị ở;

Yêu cầu anh LVT cấp dưỡng, trợ cấp khó khăn cho chị một lần là 30.000.000, đồng.

Về án phí: Anh LVT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh LVT và chị CTP có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện. Quá trình chung sống, hòa thuận hạnh phúc thời gian khoảng đến năm 2017, sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai người không hiểu và thông cảm, chia sẻ cho nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải nhiều lần, nhưng không khắc phục được. Hai người sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Tại thời điểm kết hôn ngày 03/01/2010, chị CTP sinh năm 1993 chưa đủ điều kiện kết hôn (chưa đủ tuổi), nay chị CTP nhất trí ly hôn anh LVT, nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-

TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016. Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, để giải quyết cho ly hôn.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng anh LVT và chị CTP đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh LVT yêu cầu được ly hôn và chị phượng cũng nhất trí ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho anh LVT được ly hôn chị CTP.

[2] Về con chung: Căn cứ vào nguyện vọng của cháu, căn cứ điều kiện tốt nhất cho các cháu, cần giao cho anh LVT trực tiếp nuôi hai cháu Lù Thị Phương Quách, sinh ngày 28/5/2011 và Lù Trí Thượng, sinh ngày 13/8/2014. Về yêu cầu cấp dưỡng chấp nhận anh LVT không yêu cầu chị CTP phải cấp dưỡng nuôi con chung, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung căn cứ Điều 59, Điều 61 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận các đương sự đã xác định giá trị tài sản không đáng kể và yêu cầu chia hiện vật như sau:

Các đương sự đều công nhận tài sản, vật dụng là do đám cưới được mừng từ năm 2010, không phải do làm ra mua được và đã được sử dụng từ đó đến nay, nhiều thứ đã hỏng không còn. Tại phiên tòa ông LVH, bà QTL xác nhận nếu không còn sẽ mua để trả cho chị CTP. Tại phiên tòa chị Cẩm Thị Phương công nhận khi chị về nhà bên bố mẹ tháng 7 năm 2019 còn 05 cái chăn vải; 05 cái đệm bông lau; 01 ti vi; 01 cái nồi quân dụng to; 01 cái nồi cơm điện; 01 cái quạt đứng điện. Còn các thứ khác không còn.

Do đó có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của chị CTP như sau: Ông LVH, bà QTL, anh LVT có trách nhiệm trả cho chị CTP tài sản sau:

05 cái chăn vải; 05 cái đệm bông lau;

01 ti vi;

10 cái xoong con;

02 cái xoong nhôm loại 25-30 lít;

01 cái nồi quân dụng to;

02 cái chậu nhôm to;

02 cái chậu nhôm nhỏ;

01 cái nồi cơm điện;

02 cái phích nước;

02 bộ ấm chén;

01 cái quạt đứng điện;

20 cái bát.

Đối với yêu cầu đòi đồ tặng cưới gồm 70 đôi gối và khăn Piêu là quà tặng của cô dâu khi đến nhà chồng cho những người họ hàng đến mừng lễ cưới, đã tặng khi cưới hết không còn. Khi tặng cho trong lễ cưới là do mình tự nguyện tặng cho những người đến mừng lễ kết hôn của mình, nay chị CTP yêu cầu trả cho chị giá trị 230.000, đồng/bộ là trái với phong tục tập quán tốt đẹp, do đó không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu đòi tiền phong bì họ hàng đến dự cưới mừng được khoảng 20.000.000, đồng chị CTP công nhận được cầm 10.000.000, đồng nhưng sau đó chồng chị đi học đã bỏ dần ra chi tiêu hết. Còn 10.000.000, đồng chị cho rằng bố mẹ chồng là ông LVH, bà QTL cầm, nay chị yêu cầu trả lại cho chị số tiền 20.000.000, đồng. Tuy nhiên ông LVH, bà QTL không công nhận được cầm số tiền như chị khai, không có chứng cứ nào khác xác định lời khai này của chị CTP. Do đó không có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu đòi lại số tiền 20.000.000, đồng của chị CTP.

Đối với yêu cầu đòi tiền công sức đóng góp khi sống chung với bố mẹ chồng, chị CTP yêu cầu ông LVH, bà QTL trả lại cho chị số tiền 50.000.000, đồng. Hai ông bà không nhất trí, chỉ đồng ý trả cho chị CTP 12.000.000, đồng. Ông bà giải thích thực tế quá trình sống chung mọi người cùng làm chỉ đủ ăn, ngoài chị CTP còn nuôi chung cả hai cháu con chị CTP. Ngoài lời khai ra chị CTP không đưa ra được căn cứ thu nhập của chị để đóng góp với nhà chồng và chị có đóng góp gì để tôn tạo, làm mới các tài sản trong gia đình không. Do đó không đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu này của chị, tuy nhiên ông LVH, bà QTL đồng ý trả cho chị CTP 12.000.000, đồng cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu ông LVH, bà QTL trả cho chị CTP một con bò giá trị 7.000.000, đồng. Chị CTP công nhận vật nuôi như trâu, bò, gà, vịt trong gia đình khi chị CTP về đã có trước nhưng về sau chết và bán hết từ trước khi chị bỏ về nhà bố mẹ, ông LVH, bà QTL cũng công nhận như chị CTP khai. Nay chị yêu cầu trả cho chị một con bò giá trị 7.000.000, đồng ông LVH, bà QTL không nhất trí. Ngoài lời khai ra chị CTP không đưa ra được căn cứ nào khác về việc chị có mua thêm trâu, bò về cùng đóng góp vào tài sản gia đình. Nên không đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu này của chị CTP.

Đối với yêu cầu khi về nhà chồng năm 2010 chị được bố mẹ cho một con lợn khoảng 10 kg mang về nuôi ở nhà chồng, nay chị yêu cầu trả lại cho chị con lợn 10 kg, Bản thân chị khai công nhận quá trình nuôi đã mổ thịt tiếp khách, bán lấy tiền chi tiêu chung trong gia đình và hiện nay không còn, do ông LVH, bà QTL không nhất trí, nên yêu cầu này của chị CTP không đủ căn cứ chấp nhận.

Về đất đai chị CTP yêu cầu chia theo nhân khẩu bên nhà chồng. Ông LVH, bà QTL không nhất trí, căn cứ vào kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện ML, tỉnh SL thì thực tế năm 2007 – 2009 khi lập dự án di dân tái định cư thủy điện SL hộ ông LVH, bà QTL có 3 nhân khẩu được đất gồm: Bà QTL, anh LVT, chị Lù Thị Tín, trong đó không có chị CTP, phần đất kê khai



được cấp của chị CTP vẫn ở bản Lả Mường, xã MT, huyện ML, tỉnh SL. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu được chia đất của chị CTP.

Đối với yêu cầu anh LVT phải làm cho chị CTP một ngôi nhà để chị ở: Anh LVT không nhất trí với lý do bản thân anh hiện không có nhà riêng, vẫn ở nhờ bố mẹ. Ông LVH, bà QTL xác nhận nhà hiện nay đang ở là có trước khi di dân tháo dỡ dựng lại, đến nay không tôn tạo sửa chữa gì thêm. Do đó yêu cầu này của chị CTP là vượt quá khả năng của anh LVT, nên không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu anh LVT cấp dưỡng, trợ cấp khó khăn cho chị một lần là 30.000.000, đồng, anh LVT có mức thu nhập là 12.520.000, đồng/tháng, anh trình bày về chi tiêu gồm tiền nuôi hai con hằng tháng là 5.000.000, đồng; tiền ăn đơn vị thu, tiền đảng phí, công đoàn phí. Anh LVT không đồng ý cấp dưỡng, trợ cấp cho chị CTP.

Xét việc trình bày thu nhập và chi tiêu của anh LVT là có căn cứ, do anh LVT không nhất trí cấp dưỡng cho chị CTP, nên không có căn cứ buộc anh LVT phải cấp dưỡng cho chị CTP.

Anh LVT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 61 các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm c khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho Anh LVT được ly hôn chị CTP.

2. Về con chung:

Giao cho anh LVT trực tiếp nuôi hai cháu Lù Thị Phương Quách, sinh ngày 28/5/2011 và Lù Trí Thượng, sinh ngày 13/8/2014.

Về yêu cấp dưỡng chấp nhận anh LVT không yêu cầu chị CTP phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản riêng, nợ: Không có.

4. Về tài sản chung:

Ông LVH, bà QTL, anh LVT có trách nhiệm trả cho chị CTP tài sản sau:

05 (năm) cái chăn vải; 05 (năm) cái đệm bông lau;

01 (một) ti vi;

10 (mười) cái xoong con;

02 (hai) cái xoong nhôm loại 25-30 lít;

01 (một) cái nồi quân dụng to;

02 (hai) cái chậu nhôm to;

02 (hai) cái chậu nhôm nhỏ;

01 (một) cái nồi cơm điện;

02 (hai) cái phích nước;

02 (hai) bộ ấm chén;

01 (một) cái quạt đứng điện;

20 (hai mươi) cái bát ăn cơm.

5. Ông LVH, bà QTL trả cho chị CTP 12.000.000, đồng (mười hai triệu đồng) tiền công sức đóng góp vào đời sống chung với gia đình.

6. Không đủ căn cứ chấp nhận các yêu cầu của chị CTP gồm:

Yêu cầu trả đồ tặng cưới gồm 70 đôi gối và khăn Piêu trị giá 230.000, đồng/bộ;

Yêu cầu trả tiền họ hàng đến dự cưới mừng được 20.000.000, đồng;

Yêu cầu trả cho chị CTP một con bò giá trị 7.000.000, đồng;

Yêu cầu trả một con lợn khoảng 10 kg khi về nhà chồng năm 2010 chị được bố mẹ cho;

Yêu cầu ông LVH, bà QTL chia đất cho chị CTP;

Yêu cầu anh LVT phải làm cho chị CTP một ngôi nhà để chị ở;

Yêu cầu anh LVT cấp dưỡng, trợ cấp khó khăn cho chị một lần là 30.000.000, đồng.

7. Về án phí: Anh LVT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002398 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL;

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 22/6/2020.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 26 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9*

*Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án”.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã MT, huyện ML  
(để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (4);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**  
*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

***Nguyễn Minh Tuấn***